

Số: 131/2020/QĐST-HNGĐ

K, ngày 02 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1986; ĐKKHKT: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện ở: Đội 4-P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1993; ĐKKH và chỗ ở: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn H với chị Hoàng Thị M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Anh Trần Văn H và chị Hoàng Thị M thỏa thuận để anh H nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trần Đại L, sinh ngày 15/12/2014, chị M có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh H mỗi tháng 2.000.000^d (hai triệu đồng) tính từ tháng 10/2020 đến khi con chung thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về án phí: Anh Trần Văn H và chị Hoàng Thị M thỏa thuận để anh H nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000^d và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000^d, tổng số tiền án phí phải nộp là 300.000^d, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2441 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị M không nộp số tiền phải nộp nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N, huyện N, Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh